

Số: 3748/TCT - CS
V/v chính sách thuế đối với
nhà thầu nước ngoài.

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2012

Kính gửi: Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 1010/2012/CT-IN/CV ngày 10/10/2012, số 1910/2012/CT-IN/CV ngày 19/10/2012 của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện đề nghị hướng dẫn về chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến về nguyên tắc như sau:

Tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đối tượng áp dụng như sau: “1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu”.

Tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 60/2012/TT-BTC nêu trên hướng dẫn về đối tượng chịu thuế GTGT như sau: “Trường hợp hàng hoá được cung cấp theo hợp đồng dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hoá nằm trong lãnh thổ Việt Nam; hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo các dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hoá, kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì giá trị hàng hoá chỉ phải chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định, phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hoá và giá trị dịch vụ đi kèm (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) thì thuế GTGT được tính chung cho cả hợp đồng.

Tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 60/2012/TT-BTC nêu trên hướng dẫn về thu nhập chịu thuế TNDN như sau: “Trường hợp hàng hoá được cung cấp dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hoá nằm trong lãnh thổ Việt Nam; hoặc việc

cung cấp hàng hóa có kèm theo các dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì thu nhập chịu thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là toàn bộ giá trị hàng hóa, dịch vụ”.

Tại khoản Điều 7 Thông tư số 60/2012/TT-BTC nêu trên hướng dẫn: “Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ).

“Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tác phẩm”, “Quyền sở hữu công nghiệp”, “Chuyển giao công nghệ” quy định tại Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Luật chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

Tại khoản 2.a Điều 13 Thông tư số 60/2012/TT-BTC nêu trên hướng dẫn tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với thu nhập bản quyền là 10%.

Tại khoản 21 Điều 4 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/1/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật”.

Tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc khai, nộp thuế đối với nhà thầu nước ngoài trong trường hợp nhà thầu nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu.

Căn cứ theo các quy định trên, theo giải trình của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (Công ty), trường hợp nếu Công ty ký hợp đồng với Công ty ở nước ngoài (nhà thầu nước ngoài) để mua thiết bị (trạm thu phát gốc

mạng di động) có kèm theo giá trị phần mềm và quyền sử dụng phần mềm (tại hợp đồng có tách riêng được giá trị thiết bị với giá trị phần mềm và quyền sử dụng phần mềm) nếu giá trị phần mềm và quyền sử dụng phần mềm được xác định là chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và được xác định là thu nhập từ tiền bản quyền áp dụng tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 10%.

Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện có trách nhiệm đăng ký thuế với cơ quan thuế để thực hiện khai, nộp thay thuế cho nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC nêu trên.

Về nghĩa vụ thuế khâu nhập khẩu, đề nghị Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện liên hệ với cơ quan hải quan để được hướng dẫn.

Đề nghị Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện cung cấp các tài liệu liên quan và làm việc trực tiếp với cơ quan thuế địa phương để được hướng dẫn cụ thể.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục thuế TP Hà Nội;
- Vụ PC-BTC;
- Vụ PC-TCT;
- Lưu: VT, PC, CS (2b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn